

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HSST
Ngày: 10 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Trọng Quý** - Chức vụ: Phó Bí thư Huyện Đoàn TNCS HCM huyện Thọ Xuân

2. Ông **Lê Đức Trí** - Chức vụ: Hưu trí

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Văn Hân** - Thư ký TAND huyện Thọ Xuân

- Đại diện VKSND huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Tân** - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 10/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/HSST ngày 27/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức Đ** - sinh ngày 02 tháng 02 năm 2002.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 9, xã T D, huyện T X, tỉnh TH

Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: lớp 10/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Tiền án, tiền sự: Không

Con ông: Lê Đức T và bà: Lê Thị T; Gia đình có 04 chị em, Đ là con thứ tư;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Bá Mai** - Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Người bị hại: Chị **Lê Thị Phương H**; Sinh năm 1982. Vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Khu 7, thị trấn T X, huyện T X, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền mua điện thoại di động sử dụng nên Lê Đức nảy sinh ý định đi đến cửa hàng mua bán điện thoại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khoảng gần 19 giờ ngày 11/3/2018, Đạt đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 61E-322.03 từ nhà đến cửa hàng mua bán điện thoại HP ở khu 7 thị trấn TX, huyện TX để

giả vờ hỏi mua điện thoại, lúc này có chị Lê Thị Phương H (sinh năm 1982 – là chủ cửa hàng) có mặt ở cửa hàng. Khi đến nơi, Đ dừng xe ở lề đường Quốc lộ 47C ngay phía trước cửa hàng và vào hỏi mua 01 điện thoại di động giá dưới 2.000.000đ. Chị H đưa cho Đ xem chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi3 đã qua sử dụng. Sau khi xem xong, Đ đồng ý mua với giá 1.500.000đ nhưng không thanh toán tiền mà lợi dụng lúc chị Hà không chú ý đã cầm chiếc điện thoại trên nhanh chóng lên xe, nổ máy bỏ chạy về phía xã TH, sau đó về nhà ở thôn 9, xã TD, huyện TX cất giấu. Toàn bộ hành vi của Lê Đức Đ đã được camera ở cửa hàng của chị H ghi hình lại. Ngày 12/03/2018, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Lê Đức Đ đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo hành vi phạm tội của mình, giao nộp điện thoại Xiaomi Mi3 đã chiếm đoạt và xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 61E-322.03 Đạt sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 11/03/2018.

Ngày 14/03/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TX yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc điện thoại Xiaomi Mi3 Đạt đã chiếm đoạt của chị H. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 19/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thọ Xuân kết luận giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.500.000đ.

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 61E-322.03 là phương tiện Đ sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, đây là xe mà Đạt tự ý lấy của bố mẹ để sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lê Thị T là mẹ đẻ của Đ.

Chị Lê Thị Phương H đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 33/VKS-HS ngày 18/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo Lê Đức Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 171 BLHS tuyên bố bị cáo Lê Đức Đ phạm tội "Cướp giật tài sản" và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 65; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 BLHS để xử phạt: Lê Đức Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Quan điểm của người bào chữa: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Do bị cáo là vị thành niên nên nhận thức còn hạn chế; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã trả lại tài sản cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 BLHS và áp dụng mục 5 Nghị quyết số 01/2000/HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; cho bị cáo có điều kiện tiếp tục đi học.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Đức Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với lời khai của người bị hại. Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người làm; tất cả đều phản ánh thống nhất khách quan. Vì vậy Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Đức Đạt đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 BLHS là đúng người, đúng tội.

[2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng. Gây nguy hại lớn cho xã hội. Mục đích của bị cáo là nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo Lê Đức Đ đã chuẩn bị âm mưu, thủ đoạn từ trước. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó thể hiện sự liều lĩnh và coi thường pháp luật. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hướng xử lý: Khi phạm tội bị cáo là vị thành niên, sau khi phạm tội đã ra đầu thú quá trình bị cáo đều khai báo thành khẩn, trả lại tài sản cho người bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; do bị cáo chưa thành niên nên việc xử lý bị cáo là nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các quy định của BLHS về chính sách khoan hồng được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội và để tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục được đi học nên cho bị cáo được cải tạo tại địa phương theo Điều 65 BLHS.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Phương H đã nhận lại chiếc điện thoại tài sản bị chiếm đoạt, nay chị Hà không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xử lý vật chứng: Chiếc xe máy Yamaha sirius biển kiểm soát 61E- 332.03 Đạt sử dụng làm phương tiện để phạm tội là của bà Lê Thị T, Đ tự lấy đi nên bà T không biết. Cơ quan điều tra đã trả cho bà T tình do không liên quan đến tội phạm. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Đức Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 171; Khoản 1, khoản 2 Điều 65; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 BLHS;

- **Xử phạt:** Bị cáo Lê Đức Đ 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án; giao bị cáo cho chính quyền xã TD, huyện TX, tỉnh TH quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của Bản án này.

-Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Đức Đ phải nộp 200.000đ án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, Người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc tính từ ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- Phòng giám đốc án;
- Công an;
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đăng Tuấn